

Số: 105/2021/QĐST-HNGĐ

Phú Hòa, ngày 02 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Hữu L**, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn DT, xã HĐĐ, huyện PH, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn DT, xã HĐĐ, huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Thu H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương H, sinh ngày 27/12/2013 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 03/10/2015. Ly hôn, ông L và bà H thỏa thuận thống nhất giao hai con chung cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (phù hợp nguyện vọng của cháu H là ở với mẹ).

Ông Nguyễn Hữu L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức 1.000.000 đồng/con/tháng, kể từ tháng 12/2021 cho đến khi phát sinh một trong các

trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Nguyễn Hữu L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu L tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí HNGĐ-ST và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DS-ST (về phần cấp dưỡng nuôi con), được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông L đã nộp tạm ứng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004153 ngày 18/6/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã HĐĐ (CNKH số 08 ngày 20/3/2012)
- VKSND huyện PH;
- Chi cục THADS huyện PH;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Minh Nhật